

Số. 63./BSGHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi :**

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
  - Mã chứng khoán: BSH
  - Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
  - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
  - Chức vụ: Thư ký Hội đồng quản trị
  - Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:

- Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội công bố Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2019

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Vương Thừa Đại**

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Báo cáo tài chính riêng  
QUÝ I NĂM 2019**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy chứng nhận</b>	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	0102314051	ngày 25 tháng 9 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 25 tháng 9 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Thái Bình	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
	(từ ngày 29 tháng 6 năm 2018)
Ông Phùng Quang Trung	Thành viên
	(đến ngày 29 tháng 6 năm 2018)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Quý	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm  
Phường Phương Canh  
Quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>203.879.729.390</b>	<b>251.621.320.474</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.548.387.111</b>	<b>56.286.361.990</b>
Tiền	111		3.548.387.111	56.286.361.990
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>72.000.000.000</b>	<b>72.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.863.783.056</b>	<b>39.516.977.858</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.511.942.328	34.706.474.447
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.935.743.863	3.371.200.508
Phải thu ngắn hạn khác	136		3.416.096.865	1.439.302.903
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>81.504.450.236</b>	<b>82.235.900.075</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>963.108.987</b>	<b>1.582.080.551</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		963.108.987	1.582.080.551
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>235.898.357.754</b>	<b>254.102.351.693</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>225.246.415.731</b>	<b>224.893.554.409</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	225.246.415.731	224.893.554.409
Nguyên giá	222		684.462.060.499	667.022.012.488
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(459.215.644.768)	(442.128.458.079)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
Nguyên giá	228		350.000.000	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.000.000)	(350.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.466.224.850</b>	<b>18.697.143.987</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.466.224.850	18.697.143.987
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.185.717.173</b>	<b>10.511.653.297</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.185.717.173	10.511.653.297
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>439.778.087.144</b>	<b>505.723.672.167</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>162.438.901.965</b>	<b>221.468.267.661</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149.816.604.223</b>	<b>206.410.969.919</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	14.412.717.191	23.206.084.772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.008.593.914	2.104.978.832
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	84.987.672.373	82.935.868.188
Phải trả người lao động	314		3.148.407.674	5.831.905.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.996.679.146	1.024.256.041
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	12.640.334.098	12.771.193.005
Vay ngắn hạn	320	16(a)	23.709.692.761	71.750.614.429
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	1.912.507.066	6.786.068.971
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.622.297.742</b>	<b>15.057.297.742</b>
Vay dài hạn	338	16(b)	12.183.022.047	14.618.022.047
Dự phòng phải trả dài hạn	342		439.275.695	439.275.695
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>277.339.185.179</b>	<b>284.255.404.506</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>277.339.185.179</b>	<b>284.255.404.506</b>
Vốn cổ phần	411	19	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.212.928.069	64.129.147.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		46.138.925.079	64.129.147.396
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.074.002.990	
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>439.778.087.144</b>	<b>505.723.672.167</b>

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 (VND)		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (VND)	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng</b>	01	23	<b>184.598.082.089</b>	<b>143.466.080.250</b>	<b>184.598.082.089</b>	<b>143.466.080.250</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	11	24	<b>159.942.163.559</b>	<b>122.922.066.009</b>	<b>159.942.163.559</b>	<b>122.922.066.009</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	20		<b>24.655.918.530</b>	<b>20.544.014.241</b>	<b>24.655.918.530</b>	<b>20.544.014.241</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	25.361.771	1.294.266.319	25.361.771	1.294.266.319
Chi phí tài chính	22	26	1.141.735.264	1.473.934.084	1.141.735.264	1.473.934.084
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.113.887.402</i>	<i>1.473.556.588</i>	<i>1.113.887.402</i>	<i>1.473.556.588</i>
Chi phí bán hàng	25	27	1.756.817.207	2.322.037.265	1.756.817.207	2.322.037.265
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.386.615.080	5.237.102.684	5.386.615.080	5.237.102.684
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>16.396.112.750</b>	<b>12.805.206.527</b>	<b>16.396.112.750</b>	<b>12.805.206.527</b>
Thu nhập khác	31		16.446.941	9.506.808	16.446.941	9.506.808
Chi phí khác	32		3.324.296	28.103.201	3.324.296	28.103.201
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>13.122.645</b>	<b>(18.596.393)</b>	<b>13.122.645</b>	<b>(18.596.393)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>16.409.235.395</b>	<b>12.786.610.134</b>	<b>16.409.235.395</b>	<b>12.786.610.134</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.281.847.080	2.560.503.974	3.281.847.080	2.560.503.974
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>13.127.388.315</b>	<b>10.226.106.160</b>	<b>13.127.388.315</b>	<b>10.226.106.160</b>

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập:

*Uhuang*

Bùi Thị Thanh Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
			Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>16.409.235.395</b>	<b>12.786.610.134</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		17.087.186.689	13.295.173.564
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(5.760.785)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(25.361.771)	(1.294.266.319)
Chi phí lãi vay	06		1.113.887.402	1.473.556.588
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>34.584.947.715</b>	<b>26.255.313.182</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(3.912.790.148)	11.863.109.895
Biến động hàng tồn kho	10		731.449.839	(4.890.343.754)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.207.939.104)	(21.798.247.330)
Biến động chi phí trả trước	12		2.944.907.688	78.880.286
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.141.735.264)	(1.611.993.180)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.000.000.000)	(6.735.903.197)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		466.061.390	1.454.033.734
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.978.889.487)	(3.627.152.582)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>19.486.012.629</b>	<b>987.697.054</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(1.666.641.761)	(19.651.129.705)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23			(22.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		25.361.771	2.166.183.312
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.641.279.990)</b>	<b>(39.484.946.393)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
			Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		181.269.692.761	182.437.846.192
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(231.745.614.429)	(212.011.086.372)
Tiền chi trả cổ tức	36		(20.106.785.850)	(32.034.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(70.582.707.518)</b>	<b>(61.607.520.180)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(52.737.974.879)</b>	<b>(100.104.769.519)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		56.286.361.990	176.594.314.345
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			4.416.703
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>3.548.387.111</b>	<b>76.493.961.529</b>

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc  
 Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Công ty có 195 nhân viên (1/1/2018: 189 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) **Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 14 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 15 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 và ngày 31 tháng 03 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

doanh chính của Công ty.

Công ty chia bộ phận địa lý theo vị trí của khách hàng bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài. Trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỉ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Thông tin về tài sản được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 của Công ty phần lớn nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.076.891.817	432.654.797
Tiền gửi ngân hàng	2.471.495.294	55.853.707.193
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<hr/>	<hr/>
	3.548.387.111	56.286.361.990

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng từ ngày gửi tiền. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 6% một năm.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	37.811.464.240	27.041.488.482
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	7.459.413.742
Các khách hàng khác	523.548.589	205.572.223
	<hr/>	<hr/>
	38.511.942.328	34.706.474.447



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	37.811.464.240	27.041.488.482
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		7.459.413.742
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn – Miền Bắc	176.929.499	176.929.499
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	19.875.240
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	-	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**8. Hàng tồn kho**

	31/03/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.081.920.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	28.109.031.738	-	28.069.099.561	-
Công cụ và dụng cụ	19.078.790.052	-	19.037.145.059	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.051.726.132	-	19.917.622.380	-
Thành phẩm	14.171.731.400	-	15.200.782.161	-
Hàng hóa	11.250.914	-	11.250.914	-
	81.504.450.236	-	82.235.900.075	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	598.155.260.114	7.907.289.410	2.832.424.740	667.022.012.488
Tăng trong kỳ	-	140.000.000			140.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	17.300.048.011			17.300.048.011
Xóa sổ					
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	615.595.308.125	7.907.289.410	2.832.424.740	684.462.060.499
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	20.112.534.910	415.498.284.661	4.363.784.312	2.153.854.196	442.128.458.079
Khấu hao trong kỳ	636.085.306	16.217.744.958	175.717.210	57.639.215	17.087.186.689
Xóa sổ					
Số dư cuối kỳ	20.748.620.216	431.716.029.619	4.539.501.522	2.211.493.411	459.215.644.768
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	38.014.503.314	182.656.975.453	3.543.505.098	678.570.544	224.893.554.409
Số dư cuối kỳ	37.378.418.008	183.879.278.506	3.367.787.888	620.931.329	225.246.415.731

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 8.024 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 03 năm 2019(1/1/2019: 6.529 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	350.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	350.000.000
Khấu hao trong năm	-
Số dư cuối năm	350.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 (1/1/2019: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/03/2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	18.697.143.987	-
Tăng trong kỳ	1.069.128.874	39.528.962.169
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.300.048.011)	(20.831.818.182)
Số dư cuối năm	2.466.224.850	18.697.143.987

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 2.466 triệu VND. Số dư của xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 phản ánh giá trị của hệ thống làm giàu CO2 công suất 600kg/h.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.979.956.464	2.135.470.653	4.396.226.180	10.511.653.297
Tăng trong kỳ	-	341.714.266	-	9.139.814.104
Phân bổ trong kỳ	(1.537.361.729)	(517.226.526)	(613.062.135)	(11.589.129.557)
Số dư cuối kỳ	2.442.594.735	1.959.958.393	3.783.164.045	8.185.717.173

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	9.012.188.104	7.597.002.247
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	-	1.912.168.035
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	654.687.550	1.561.824.000
Các nhà cung cấp khác	4.745.841.537	12.135.090.490
	14.412.717.191	23.206.084.772

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	9.012.188.104	7.597.002.247
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	302.317.289
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	34.100.000	68.200.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ cán trừ trong kỳ VND	31/03/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	72.392.040.560	190.913.923.301	(190.571.309.647)	72.734.654.214
Thuế thu nhập doanh nghiệp	873.922.029	3.281.847.080	(1.000.000.000)	3.155.769.109
Thuế giá trị gia tăng	9.096.899.931	36.803.569.345	(36.898.444.812)	9.002.024.464
Thuế thu nhập cá nhân	573.005.668	386.655.399	(864.436.481)	95.224.586
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	82.935.868.188	231.388.995.125	(229.337.190.940)	84.987.672.373

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.565.460.000	11.377.920.000
Cổ tức phải trả	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.074.874.098	1.393.273.005
	12.640.334.098	12.771.193.005



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		31/03/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	62.010.614.429	181.269.692.761	(229.310.614.429)	13.969.692.761
Vay dài hạn đến hạn phải trả	9.740.000.000	-	-	9.740.000.000
	<u>71.750.614.429</u>	<u>181.269.692.761</u>	<u>(229.310.614.429)</u>	<u>23.709.692.761</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/03/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Việt Nam(*)	VND	5,5%	-	62.010.614.429
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,2%	13.969.692.761	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND		-	-
			<u>13.969.692.761</u>	<u>62.010.614.429</u>

(\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và không có đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/03/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	24.358.022.047	24.358.022.047
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.740.000.000)	(9.740.000.000)
Thanh toán nợ Dài hạn	(2.435.000.000)	
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	12.183.022.047	14.618.022.047
	<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2019</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	7,2%	2021	21.923.022.047	24.358.022.047
				<hr/>	

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam có hạn mức tín dụng là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>31/03/2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.876.068.971	543.318.874
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	2.012.232.644	12.080.648.118
Tặng khác	3.094.938	205.479.141
Sử dụng trong kỳ	(6.978.889.487)	(6.043.377.162)
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	1.912.507.066	6.876.068.971
	<hr/>	



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	88.444.271.394	308.570.528.504
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	42.644.370.657	42.644.370.657
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(12.959.494.655)	(12.959.494.655)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>6.157.486.522</b>	<b>33.968.770.588</b>	<b>64.129.147.396</b>	<b>284.255.404.506</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.127.388.315	13.127.388.315
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(2.012.232.644)	(2.012.232.644)
Trích quỹ CTXH	-	-	-	(31.374.998)	(31.374.998)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2019</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>6.157.486.522</b>	<b>33.968.770.588</b>	<b>57.212.928.069</b>	<b>277.339.185.179</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019.

**20. Cổ tức**

Vào ngày 04 tháng 01 năm 2019, Giám đốc Công ty phê duyệt tạm ứng cổ tức lần 2 cho các cổ đông là 18.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

**21. Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/03/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.655.027.816	3.633.445.816
Từ hai đến năm năm	12.590.671.264	11.827.159.264



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Sau năm năm	95.019.266.625	90.358.451.079
	111.264.965.705	105.819.056.159

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	38.14	816.250	245.974	5.719.164.081
EUR	127	3.406.953	127	3.406.953

**23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	183.351.264.443	142.062.952.258
▪ Doanh thu khác	1.246.817.646	1.403.127.992
	184.598.082.089	143.466.080.250

**24. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	159.858.374.327	122.670.713.526
▪ Giá vốn khác	83.789.232	251.352.483
	159.942.163.559	122.922.066.009

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	17.096.161	1.288.505.534
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.265.610	5.760.785
	<hr/>	<hr/>
	25.361.771	1.294.266.319

## 26. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.113.887.402	1.473.556.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	27.847.862	377.496
	<hr/>	<hr/>
	1.141.735.264	1.473.934.084

## 27. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	890.010.316	710.138.563
Chi phí công cụ, dụng cụ	314.478.502	1.146.997.565
Chi phí nhân viên	367.188.689	407.094.647
Chi phí bán hàng khác	185.139.700	57.806.490
	<hr/>	<hr/>
	1.756.817.207	2.322.037.265

## 28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.823.624.955	2.057.408.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.683.454	1.942.915.480
Chi phí vật liệu quản lý	583.848.998	496.045.681
Chi phí khấu hao	148.981.702	204.247.215
Chi phí quản lý khác	554.475.971	536.485.335
	<hr/>	<hr/>
	5.386.615.080	5.237.102.684



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

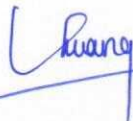
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Năm hiện hành	3.281.847.080	2.557.322.027
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	3.181.947
	<hr/>	<hr/>
	3.281.847.080	2.560.503.974

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc  
Giám đốc